

VÀI NÉT VỀ SỰ HÌNH THÀNH CÁC XỨ, HỌ ĐẠO ĐẦU TIÊN Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

ĐẶNG MẠNH TRUNG (*)

Theo giáo sử, đạo Công giáo du nhập vào Việt Nam từ thế kỉ XVI. Thế nhưng, công cuộc truyền giáo ở nước ta chỉ thực sự đạt hiệu quả vào thế kỉ XVII với vai trò của các giáo sĩ Dòng Tên (Bồ Đào Nha).

Năm 1615, các giáo sĩ Dòng Tên là Francesco Buzomi, Diego Carvalho, v.v... đã đến Hội An, Cửa Hàn (Đà Nẵng) mở đầu cho thời kì truyền giáo vào Đàng Trong. Tuy nhiên, việc truyền giáo vào Miền Đông Nam Bộ chỉ thực sự đạt hiệu quả với quá trình khai hoang lập ấp của các nhóm lưu dân người Việt, trong đó có những giáo dân Công giáo và các giáo đoàn Dòng Tên, Hội Thừa sai Paris, Dòng Phan Sinh, v.v... vào thế kỉ XVII. Quá trình truyền giáo ban đầu ở nơi đây còn gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân, theo Trần Đăng Huy, là do: “Một phần do sự chống đối của các sư sãi Phật giáo, một phần ở vùng Nam Bộ lúc đó dân cư còn quá thưa thớt”⁽¹⁾.

Từ khi Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ) đến Việt Nam với nhiều công lao biên soạn từ điển Việt - Bồ Đào Nha - Latinh, cuốn *Phép giảng tám ngày* viết bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên ghi lại những bài giảng theo cách truyền khẩu giáo lí Công giáo, đã giúp các giáo sĩ ngoại quốc tiếp xúc và truyền bá Công giáo vào Việt Nam

thuận lợi hơn. Cho nên, Công giáo đã phát triển đến nhiều nơi và du nhập vào Miền Đông Nam Bộ. Bùi Đức Sinh trong sách *Lịch sử Giáo hội Công giáo* cho biết: “Cuối năm 1624, cha bề trên tỉnh Gabriel de Mattos đến thăm giáo đoàn xứ Nam đem theo 4 nhà truyền giáo mới là Antonio Fontes, Gaspar Luis (Bồ), Alexandre de Rhodes (quốc tịch Tòa Thánh) tức Đắc Lộ, Girolamo Majorica (Italia) và thầy Men chior Ribero (Bồ). Số thừa sai Dòng Tên bấy giờ ở xứ Nam là 15 người gồm 11 linh mục và 4 trợ sĩ”⁽²⁾. Theo thống kê của Giáo hội Công giáo Việt Nam, năm 1747, vùng Trấn Biên có 11 họ đạo gồm: Họ đạo Bến Gỗ do Hội Thừa sai Paris coi sóc; Dòng Tên coi sóc các họ đạo: Đồng Nai, Mô Xoài, Đá Lửa, Bà Rịa, Bến Gỗ, Núi Nứa, Lái Thiêu, Đất Đỏ, Đồng Môn, Moi Thom.

Đến nay có rất ít tài liệu nói về lịch sử hình thành cộng đồng dân cư Công giáo Miền Đông Nam Bộ. Qua khảo sát thực tế của chúng tôi ở các giáo phận Xuân Lộc, Phú Cường, Bà Rịa - Vũng Tàu, Phan Thiết và các nguồn tư liệu khác cho

*. ThS., tỉnh Đồng Nai.

1. Nguyễn Đăng Huy. *Văn hóa tâm linh Nam Bộ*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội 1998, tr.209.

2. Bùi Đức Sinh O.P.M.A. *Lịch sử giáo hội Công giáo (quyển 2, xuất bản lần 6, có sửa chữa bổ sung)*. Veritas Edition, Calgary, Canada, 1999, tr.361.

thấy, cộng đồng dân cư Công giáo đầu tiên ở vùng đất Miền Đông Nam Bộ được hình thành từ số lưu dân Miền Bắc, Miền Trung vào lập nghiệp xứ Đàng Trong, hoặc lánh nạn các cuộc chiến tranh ác liệt giữa Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn vào thế kỉ XVII, đặc biệt sau khi các sắc chỉ cấm đạo của các vua đầu triều Nguyễn ban hành, nhất là vua Minh Mạng (1820-1840), vua Thiệu Trị (1841-1847), vua Tự Đức (1848-1883).

Những cộng đồng Công giáo đầu tiên ở Miền Đông Nam Bộ được hình thành ở 5 khu vực sau:

Thứ nhất: vùng Bình Thuận, nay là Giáo phận Phan Thiết.

Khi Tòa Thánh La Mã thiết lập hai giáo phận đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1659 thì: “vùng đất Phan Thiết đã có giáo hữu nằm trong Vương quốc Chăm, trực thuộc Giáo phận Malacca”⁽³⁾. Niên giám của Giáo hội Công giáo Việt Nam năm 2004 cũng cho rằng, vào năm 1665, sau khi Tòa Thánh La Mã sáp nhập xứ Chăm và Cambodia vào Giáo phận Tông tòa Đàng Trong do Giám mục Lambert de la Motte coi sóc thì tại vùng đất Phan Thiết đã có tín đồ Công giáo. Đến năm 1685, số lượng giáo dân ở vùng Phan Thiết là 1500. Đến năm 1747, vùng Bình Thuận (Phan Thiết) do Hội Thừa sai Paris coi sóc với số lượng giáo hữu là: “Phan-ri (Phan Rí) 100, Soi-Luy (Sông Lũy) 130, Phan-tiet (Phan thiết) 60, Pho-gai (Phú Hải) 160”⁽⁴⁾.

Điều đó chứng tỏ rằng, từ trước năm 1659, công cuộc truyền bá Công giáo đã được tiến hành trên vùng đất Bình Thuận. Vì vậy, vùng Bình Thuận ngày nay hiện hữu nhiều giáo xứ cổ. Việc xác

định thời gian thành lập của một số giáo xứ này tuy được ghi nhận trong một số tài liệu nhưng không rõ ràng:

- Giáo xứ Vinh Tân (thị trấn Lagi, huyện Hàm Tân, thuộc Giáo hạt Hàm Tân) ngay từ năm 1685 đã có 300 giáo hữu.

- Giáo xứ Phan Thiết (nay là Giáo xứ Chính tòa) được hình thành khoảng năm 1880 do số giáo dân từ Quảng Nam, Quảng Bình, Bình Định vào lánh nạn văn thân.

- Giáo xứ Mũi Né (thuộc Giáo hạt Phan Thiết) được thành lập khoảng năm 1890 do vài chục gia đình giáo dân dưới sự hướng dẫn của ông Câu Thoại từ Bình Định vào lánh nạn văn thân, chủ yếu sống bằng nghề đánh cá.

- Giáo xứ Hòa Thuận (thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, thuộc Giáo hạt Bắc Tuy) vào thời vua Tự Đức cấm đạo gọi là họ đạo Ma Ó thuộc Địa phận Quy Nhơn, có khoảng 50 giáo dân, do các linh mục người Pháp coi sóc. Sau đó, Linh mục Năm Nhuận đưa số giáo dân này, khoảng 100 người, về vùng đất Hòa Thuận sinh sống.

- Giáo xứ Tân Lý (Giáo hạt Hàm Tân) thành lập năm 1885 từ những lưu dân gốc Quảng Nam, Bình Định vào lập nghiệp.

- Giáo xứ Lương Sơn, (thuộc Giáo hạt Bắc Tuy), trước đây là hai họ đạo Sông Lũy và Hòa Lương, gọi chung là Rẫy Mới thuộc ấp Giang Tây. Theo tư liệu điền dã của chúng tôi, các họ đạo này được thành lập cách nay khoảng 2 thế kỉ với số giáo dân khoảng vài trăm người do Linh mục Barret coi sóc.

3. Văn phòng Tổng Thư ký Hội đồng Giám mục Việt Nam, Giáo hội Công giáo Việt Nam. *Niên giám 2004*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr. 857.

4. Sđd, tr. 857.

- Giáo xứ Tâm Hưng (Hàm Thuận Bắc ngày nay). *Kỷ yếu Giáo phận Nha Trang (1/9/1671 - 1/9/1971)* phát hành năm 1972 suy đoán giáo xứ này có thể được hình thành sớm hơn năm 1659.

Nhìn chung, nét đặc biệt của cộng đồng Công giáo Bình Thuận so với các vùng khác trong Miền Đông Nam Bộ là việc hiện hữu những giáo dân nơi vùng đất hoang vu, hiểm trở trước khi thành lập 2 giáo phận đầu tiên của Công giáo Việt Nam (1659). Cũng tại những nơi ấy, tinh thần đoàn kết lương - giáo, giúp đỡ lẫn nhau khi gian nguy được thể hiện khá rõ nét qua việc đồng bào lương che chở các vị linh mục, giáo dân họ đạo Ma Ó (Giáo xứ Hòa Thuận) trong thời kỳ vua Tự Đức cấm đạo. Tài liệu của phía Giáo hội Công giáo Việt Nam cũng ghi nhận: “Trong thời kỳ này, nhờ anh em bên lương cất dấu đồ lễ và tiếp tế lương thực cho cha và giáo dân trên núi...”⁽⁵⁾.

Tuy chưa tìm được các tư liệu gốc xác định chính xác thời điểm truyền giáo và hình thành cộng đồng giáo dân ở vùng đất Bình Thuận, nhưng các tài liệu trên là cơ sở quan trọng khi nghiên cứu lịch sử Giáo phận Phan Thiết.

Thứ hai: vùng Đồng Nai, hiện là Giáo phận Xuân Lộc.

Theo ghi chép của Linh mục Alexandre Launay thì vào năm 1666, trong quá trình truyền giáo vào Đàng Trong, hai giáo sĩ Chevreuit và Hanques thuộc Hội Thừa sai Paris đã gặp một gia đình tín đồ Công giáo là chủ một thương thuyền lớn ở Bà Rịa; khi đến Cù lao Phố (xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa ngày nay) họ cũng gặp một số tín đồ Công giáo người Việt nên đã cử hành nghi lễ tôn

giáo với số tín đồ này⁽⁶⁾. Ngày 4/9/1710, trong thư viết cho chủng viện của Hội Thừa sai Paris, Labbé cho biết, trong số 20.000 cư dân đến lập nghiệp tại Đồng Nai từ 35 đến 40 năm trước đó có khoảng 2.000 người theo Công giáo⁽⁷⁾.

Như vậy, từ nửa sau thế kỷ XVII đã có những giáo dân đến vùng Đồng Nai sinh sống và thành lập các xứ, họ đạo cổ như:

- Giáo xứ Tân Triều (xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu). Trước đây gọi là Đá Lửa, từ năm 1778 đổi thành Tân Triều khi Nguyễn Ánh đóng đô và xưng Chúa tại đây. Theo kỷ yếu của Giáo xứ Tân Triều thì giáo xứ này có thể được thành lập từ năm 1710.

- Giáo xứ Biên Hòa (phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa) được thành lập năm 1861 từ nhóm giáo dân sống gần chợ Biên Hòa, do Linh mục Creuse Nhiệm coi sóc, đến năm 1865 đã có khoảng 700 giáo dân.

- Giáo xứ Bến Gỗ (phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa) được thành lập từ năm 1874. Vào thời điểm này, 2 linh mục Hội Thừa sai Paris là Dadran và Creuse đã đưa một số giáo dân gốc Cầu Hàn vào sinh sống lập nên họ đạo Bến Gỗ và xây dựng nhà thờ tại vị trí như hiện nay.

- Giáo xứ Mỹ Hội (xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch ngày nay) không rõ thời gian thành lập, nhưng từ năm 1879, Linh mục Phêrô Đoàn Công Triệu ở họ đạo Tha La về coi sóc và cho xây dựng nhà thờ tại Gò Nồng.

5. *Kỷ yếu Giáo phận Nha Trang (1671 - 1971)*. Nhà in Văn Quý. Sài Gòn 1972, tr. 94.

6. A. Launay. *Histoire de la Mission de Corchin chine (1658 - 1873)*, T.1. Document historiques maisonneuve freres, Paris, 1924, p. 67.

7. G. Taboulet, *la Geste, Francaise en Indochine*, Adrien Maisonneuve, T.1, Paris, 1955, p. 95.

- Giáo xứ Phước Lý (xã Đại phước, huyện Nhơn Trạch) được thành lập từ năm 1885.

- Giáo xứ Phước Khánh (xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch) được thành lập năm 1887 từ những giáo dân là công nhân cơ sở kinh doanh dứa của bà Nguyễn Thị Nhất.

- Giáo họ biệt lập Tân Tường (xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch) được thành lập từ năm 1892.

Thứ ba: vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu, nay là Giáo phận Bà Rịa.

Theo Trần Phổ trong sách *Dòng Phanxicô trên đất Việt*, xuất bản năm 1974 thì: “từ năm 1670 đã có một họ đạo ở Xích Lam hay Đất Đỏ gần Bà Rịa... Trước năm 1685 ở Đất Đỏ đã có 300 giáo dân”⁽⁸⁾. Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu và tài liệu của Giáo phận Bà Rịa cũng đã xác định ở khu vực này có nhiều giáo xứ, họ đạo cổ như:

- Giáo họ biệt lập Long Điền (thị trấn Long Điền, huyện Long Điền) từ năm 1664 đã là một trong những vùng truyền giáo của các linh mục Hội Thừa sai Paris, với tên gọi là Họ Thành, với số giáo dân ban đầu là 200 người.

- Giáo xứ Đất Đỏ (xã Phước Thạnh, huyện Đất Đỏ) thành lập năm 1670.

- Giáo xứ Phước Lễ (phường Phước Hưng, thị xã Bà Rịa). Theo thống kê của Hội Thừa sai Paris vào năm 1774 thì họ đạo Bà Rịa đã có 140 giáo dân do các linh mục Dòng Tên coi sóc.

- Giáo xứ Vũng Tàu (gồm 4 phường: 1, 2, 3, và 4 thuộc thành phố Vũng Tàu). Năm 1889, Linh mục Sion được cử làm linh mục chánh xứ đầu tiên với số giáo

dân khoảng 600 người, trong đó một nửa là người Pháp

- Giáo họ biệt lập Long Tân (xã Long Tân, huyện Long Điền) tiên thân là họ đạo Thom. Năm 1883, Linh mục Combalbert là linh mục chánh xứ Đất Đỏ đã xây dựng nhà thờ, đến năm 1891 thì xây dựng nhà xứ.

Thứ tư: vùng Sài Gòn, nay là Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo tài liệu của Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh thì từ những năm 1641 - 1645 đã có những tín đồ Công giáo trốn chạy cấm đạo và hình thành các cộng đoàn Công giáo đầu tiên ở vùng Thủy Chân Lạp: Chợ Quán, Đông Phố (Gia Định), Lái Thiêu và Bến Gỗ. Năm 1665, khi Tòa Thánh La Mã sáp nhập xứ Chăm và Cambodia vào Giáo phận Đàng Trong thì vùng đất Sài Gòn đã có các gia đình Công giáo vào làm ăn, buôn bán ở Cù lao Phố, Chợ Quán, Gia Định. Năm 1700, Linh mục Emmanuel Quitao (S.J) đã hành đạo ở Cù Lao Phố (Biên Hòa) và Chợ Quán. Sách *Dòng Phanxicô trên đất Việt* cho biết, vào năm 1720, tại Sài Gòn, một nhóm lưu dân Công giáo đã tập hợp tại xóm Nhân Giang góp tiền xây dựng một ngôi nhà thờ nhỏ gần nơi họp chợ gọi là Chợ Quán. Đến năm 1723, họ đạo Chợ Quán do Linh mục Francois José Garcia Dòng Phanxicô coi sóc. Vài năm sau, khi số người Công giáo kéo vào Sài Gòn làm ăn sinh sống ngày một đông, Linh mục F. J. Garcia đã dựng nhà thờ Chợ Quán vào năm 1727 và một ngôi nhà thờ khác không cách xa lắm được gọi là nhà thờ Chợ Lớn vào năm 1730. Đến “năm 1744

8. Trần Phổ. *Dòng Phanxicô trên đất Việt* (bản in ronéo, 198 trang), 1974, tr. 35.

tại Sài Gòn có khoảng 5.500 tín đồ, một nửa ở thành phố, một nửa ở ruộng xa”⁽⁹⁾.

Thứ năm: vùng Bình Dương, nay là Giáo phận Phú Cường.

Theo tài liệu của Giáo phận Phú Cường, vào giữa thế kỉ XVIII, khi triều Nguyễn cấm đạo, một bộ phận tín đồ Công giáo đã di cư lánh nạn và sinh sống tại vùng đất Lái Thiêu (Bình Dương ngày nay), sau đó lập nhiều họ đạo thuộc Giáo phận Tây Đàng Trong. Điều này được Linh mục Adrien Launay ghi lại khi Giám mục Hilario Costa Giáo phận Đông Đàng Ngoài làm Khâm sứ Tòa Thánh đi kinh lí Đàng Trong, Campuchia và Chăm như sau: “Tại Lai-thiu (Lái Thiêu), năm 1747 có 400 giáo hữu”⁽¹⁰⁾.

Mặc dù công cuộc truyền giáo muộn hơn so với một số vùng khác trong khu vực Miền Đông Nam Bộ, nhưng vùng đất Bình Dương cũng là nơi có nhiều giáo xứ, họ đạo cổ như:

- Giáo xứ Lái Thiêu (thuộc Giáo hạt Phú Cường): Từ năm 1747, Lái Thiêu đã nằm trong danh sách 11 họ đạo của vùng Trấn Biên, có số giáo dân khoảng 400 người, đứng thứ 3 trong Địa phận Đàng Trong. Tuy nhiên, theo dự đoán của Giáo phận Phú Cường, có thể họ đạo Lái Thiêu được hình thành trước đó vài chục năm, tức khoảng đầu thế kỉ XVIII.

- Giáo xứ Búng được thành lập từ thời Gia Long (1802 - 1820) do gia đình ông Bình từ Quảng Bình chuyển vào vùng đất này lập nghiệp và thành lập giáo xứ. Sau này, Giáo xứ Bình Sơn được tách ra từ Giáo xứ Búng với khoảng 200 giáo dân.

- Giáo xứ Bến Sắn được thành lập từ năm 1854 do những giáo dân từ Miền Trung chạy vào lánh nạn và lập nên họ đạo.

- Giáo xứ Chánh Tòa, trước thuộc họ đạo Thủ Dầu Một. Nhà thờ đầu tiên của giáo xứ được xây dựng từ năm 1864. Nhưng theo tài liệu của Giáo phận Phú Cường thì có thể giáo xứ này được thành lập từ năm 1861.

- Giáo xứ Chánh Thiện, trước đây là họ nhánh của giáo xứ Thủ Dầu Một, có khoảng 40 gia đình. Hiện nay nhà thờ của giáo xứ này còn sử dụng quả chuông ghi niên đại năm 1874.

- Giáo xứ Tha La thuộc giáo hạt Tha La. Theo lịch sử Giáo phận Phú Cường, ngay từ năm 1837, gia đình giáo dân Nguyễn Hữu Trí từ Huế vào lánh nạn tại Tha La và lập họ đạo. Đến năm 1860, họ đạo mới có linh mục đến phục vụ cho khoảng 20 gia đình giáo dân.

- Giáo xứ Mỹ Khánh thuộc giáo hạt Củ Chi, được thành lập cách nay hơn 130 năm do giáo dân Nguyễn Văn Ngãi từ Miền Trung vào lập nghiệp từ nửa đầu thế kỉ XIX.

- Giáo xứ Phú Hòa Đông thuộc giáo hạt Củ Chi, được thành lập cách nay gần 140 năm do Đốc phủ Ca mua đất xây cất nhà thờ Hóc Môn cho giáo dân cầu nguyện.

Có thể nói, ngay từ đầu thế kỉ XVII, vùng đất Miền Đông Nam Bộ đã được những lưu dân từ Miền Bắc, Miền Trung chọn làm nơi dừng chân, khai hoang, lập nghiệp. Trong những đoàn lưu dân có giáo dân Công giáo và giáo sĩ thừa sai theo chân vào truyền giáo. Vì vậy, nhiều địa danh ở Miền Đông Nam Bộ được ghi nhận là địa điểm truyền giáo như Tân

9. Trần Phố. Sđd., tr. 48.

10. *Kỷ yếu Giáo phận Phú Cường (1965 - 2005)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2005, tr. 35

Triều (nay thuộc Vĩnh Cửu, Đồng Nai) từ năm 1627, Phan Rí (thuộc Bình Thuận ngày nay) từ năm 1665, tại Bà Rịa (nay thuộc Bà Rịa - Vũng Tàu) và Cù lao Phố (nay thuộc Biên Hòa, Đồng Nai) từ năm 1666, v.v... Đây cũng là những địa điểm dừng chân đầu tiên của các giáo sĩ đến truyền giáo vào Nam Bộ, hình thành cộng đồng Công giáo đầu tiên ở Miền Đông Nam Bộ.

Với ưu thế của tuyến giao thông đường thủy, vùng Miền Đông Nam Bộ là nơi diễn ra các cuộc giao thương giữa các nước Phương Tây với Việt Nam. Chính điều đó đã tạo điều kiện cho nhiều giáo đoàn Dòng Tên của Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Dòng Phan Sinh, Hội Thừa sai Paris... vào Đàng Trong truyền giáo. Tuy có lúc vai trò của dòng này nổi trội hơn dòng kia nhưng hầu hết đều có đóng góp nhất định vào công cuộc truyền giáo và quy tụ những giáo dân sinh sống rải rác ở nhiều địa phương hình thành cộng đồng Công giáo Miền Đông Nam Bộ ngày nay.

Nếu công cuộc truyền giáo ở Đàng Ngoài trong thời gian đầu gặp không ít khó khăn thì ở vùng Miền Đông Nam Bộ lại có nhiều điều kiện thuận lợi hơn. Điều này một phần do các giáo sĩ quan tâm xây dựng những vùng truyền giáo ở miền xa từ rất sớm nên tuy số lượng không nhiều nhưng giáo dân đều có mặt ở nhiều địa phương. Khi Tòa Thánh La Mã thành lập Giáo phận Đàng Trong vào năm 1659 thì vùng Phan Thiết đã có giáo hữu nằm trong Vương quốc Chăm thuộc Giáo phận Malacca.

Sau khi chiến tranh giữa nhà Tây Sơn với Nguyễn Ánh và các sắc chỉ cấm đạo của các triều đại nhà Nguyễn được ban hành thì vùng đất Miền Đông Nam Bộ là nơi được giáo dân chọn làm nơi dung thân, tạo dựng sự nghiệp và giữ đạo, được đồng bào lương cứu mang. Một số nơi, như giáo họ Tân Triều (Đồng Nai) và Lái Thiêu (Bình Dương), đã được Giám mục Bá Đa Lộc chọn làm nơi đặt Tòa Giám mục Tây Đàng Trong và Chủng viện. Điều đó chứng tỏ vùng đất Miền Đông Nam Bộ có nền nếp sinh hoạt đạo khá ổn định, cộng đồng dân cư đã xây dựng được truyền thống đoàn kết, đùm bọc, che chở lẫn nhau không phân biệt lương - giáo, cùng gắn kết với cộng đồng trong công cuộc mưu sinh nơi miền đất mới. Kỉ yếu giáo xứ Tân Triều cho biết: “Trước khi Nguyễn Ánh đến, người Công giáo quy tụ về đây khá đông và họ đã lập thành một họ đạo có nền nếp vững chắc. Vì thế trước khi Nguyễn Ánh lập triều đình tại đây (1778), Đức cha Pigneau đã đến đặt trụ sở (Tòa Giám mục và Chủng viện) sát nhà thờ, đồng thời còn cất một nhà nguyện để cử hành việc thờ phượng công khai, vì ở đây yên ổn hơn cả Cao Miên và Hà Tiên (là những nơi mà Đức Cha có ý định lập trụ sở)”⁽¹¹⁾.

Đó cũng chính là nét đặc sắc của cộng đồng Công giáo Miền Đông Nam Bộ so với các vùng khác ở Nam Bộ. /.

11. Kỉ yếu 300 năm đón nhận Tin Mừng giáo xứ Tân Triều (tư liệu lưu hành nội bộ), 2004, tr. 5.